

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 755/2023/QĐST-HNGĐ

B, ngày 12 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 58 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1074/2023/TLST-VHNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

1. Ông Đàm Duy C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 264/21/1, khu phố 5, phường Trung Dũng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Khôn Thị Tuyết N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 14/8, khu phố 2, phường Bửu Long, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, ông C và bà N cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn”. Quá trình vận động hòa giải, ông C, bà N thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố B đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 04/5/2023. Ông C và bà N cùng cư trú tại thành phố B, đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; Do đó, đơn yêu cầu của ông C, bà N được Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Đàm Duy C và bà Khôn Thị Tuyết N chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Trung Dũng, thành phố B cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 92/2020 ngày 12/11/2020. Ông C, bà N trình bày không có con chung, tài sản chung tự thỏa thuận và không có nợ chung.

Trong quá trình chung sống ông C, bà N thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông C, bà N xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Xét thấy ông C, bà N thực sự tự nguyện ly hôn, quá trình chung sống không có con chung, tài sản chung tự thỏa thuận và không có nợ chung; do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố B chấp nhận đơn yêu cầu của ông C, bà N.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Đàm Duy C và bà Khôn Thị Tuyết N.

- Về con chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: ông C, bà N trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: ông C, bà N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: ông C, bà N mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0007456 ngày 25/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B. Ông C, bà N đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ný sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thúy